

Bản án số: 61/2025/HS-ST
Ngày 30 - 9 -2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Công Hạ

Ông Bùi Đình Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Thủy, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1 - phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Đình Hiến, ông Trần Huy Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 16/2025/TLST-HS ngày 08 tháng 8 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2025/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 8 năm 2025 đối với bị cáo:

Vũ Huân M, sinh năm 1996 tại Hải Phòng, nơi đăng ký thường trú: phường Lê Chân, thành phố Hải Phòng; nơi ở: Số 5/224 Nguyễn Cộng Hoà, phường An Biên, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; **dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam**; con ông Vũ Nhân Hùng và bà Phạm Thị K; có vợ Bùi Thị Thanh X; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 10-12-2024; có mặt.

- Bị hại: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dịch vụ và Xây dựng H Ngọc, địa chỉ trụ sở: Tổ dân phố Mực, phường Nam Triệu, thành phố Hải Phòng;

Người đại diện hợp pháp của bị hại: Ông Vũ Nhân H, nơi cư trú: Số 5 Lăn Ông, phường Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng, là người đại diện theo pháp luật; có mặt

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Hoàng Văn T, bà Nguyễn Thị T, cùng nơi cư trú: thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ

án được tóm tắt như sau:

Vũ Huân M làm công nhân của Công ty Trách nhiệm Hữu Hạn Thương mại Dịch vụ và Xây dựng H Ngọc (sau đây viết tắt là Công ty H Ngọc) do ông Vũ Nhân H làm Giám đốc (ông H là bác ruột của M). Tại công ty, M được ông H giao xe ô tô biển kiểm soát 14C-108.61 cùng đăng ký xe, đăng kiểm xe ô tô để làm việc. Hàng ngày, M có nhiệm vụ điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 14C-108.61 chở nước rửa đường chống bụi trên tuyến đường vận chuyển xỉ thải từ Nhà máy nhiệt điện Hải Phòng về bãi đổ xỉ thải tại xã Phục Lễ, cũ nay là phường Nam Triệu. Đến ngày 01-8-2024, M chấm dứt hợp đồng lao động với Công ty H Ngọc do công ty ít việc. Khoảng đầu tháng 9-2024, ông H bảo M tiếp tục đến công ty làm việc, do có quan hệ họ hàng, nên M đã đồng ý. Giữa M và ông H, M và Công ty không ký hợp đồng lao động, không thỏa thuận tiền lương và không đóng bảo hiểm. M được ông H giao xe, giấy tờ xe ô tô biển kiểm soát 14C-108.61 (không có văn bản) để chở nước rửa đường. Khoảng 16 giờ ngày 13-9-2024, M nảy sinh ý định chiếm đoạt xe ô tô biển kiểm soát 14C-108.61 để bán lấy tiền ăn tiêu. M gọi điện cho anh Hoàng Văn T nói có xe ô tô không sử dụng muốn bán, anh T đồng ý. Sau đó, anh T đến bãi đỗ xe ô tô biển kiểm soát 14C-108.61 của Công ty H Ngọc tại bãi xỉ của Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng thuộc tổ dân phố Trung, Phục Lễ, phường Nam Triệu, thành phố Hải Phòng xem xe. Tại đây, M thỏa thuận bán xe ô tô cùng təc nước trên thùng xe cho anh T với giá 92.000.000 đồng, anh T đồng ý. M đưa đăng ký xe và giấy chứng nhận đăng kiểm cho anh T, hẹn hôm sau lấy xe thì trả tiền. Đến 19 giờ cùng ngày, M đã nhờ anh Nguyễn M Đức, sinh năm 1996, trú tại Dư Hàng Kênh, phường Lê Chân, thành phố Hải Phòng giao chiếc xe ô tô trên cho anh T giúp M, anh Đức đồng ý. Khoảng 07 giờ ngày 14-9-2024, anh Đức giao xe cho anh T, chị Nguyễn Thị Thanh tại bãi đỗ xe. Sau khi nhận xe, chị Thanh chuyển 90.000.000 đồng qua tài khoản ngân hàng cho M và đưa 2.000.000 đồng cho anh Đức, sau đó anh Đức đã đưa lại cho M. Anh T, chị Thanh thuê xe cẩu để chuyển chiếc xe trên về nhà. Sau khi bị phát hiện, M đã đến cơ quan công an đầu thú, M đồng ý với Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố.

Đại diện bị hại của Công ty H Ngọc là ông Vũ Nhân H khai nội dung như M đã trình bày và khai thêm: Ông H là giám đốc của công ty H Ngọc và cũng là bác ruột của M (ông H là anh trai của ông Vũ Nhân Hùng là của bố M). Khoảng năm 2018, M có làm việc cho Công ty H Ngọc, có ký hợp đồng lao động, tại công ty M được giao xe ô tô biển kiểm soát 14C-108.61 cùng giấy tờ xe để làm công việc chở nước rửa đường chống bụi trên tuyến đường vận chuyển xỉ thải từ Nhà máy nhiệt điện Hải Phòng về bãi đổ xỉ thải tại xã Phục Lễ, cũ nay là phường Nam Triệu, thành phố Hải Phòng. Năm 2024 do công ty ít việc nên đã chấm dứt hợp đồng lao động với M ngày 01-8-2024. Khoảng đầu tháng 9 năm 2024, Công ty có vận chuyển xỉ thải nên ông H đã gọi, nhờ M đến công ty làm việc. Giữa M và ông H hay Công ty không ký hợp đồng lao động, không thỏa thuận tiền lương, đóng bảo hiểm. M được ông H giao chiếc xe ô tô và giấy tờ của xe ô tô và vẫn làm công việc chở təc nước phun nước rửa đường như trước đây. Ngày 16-9-2024, ông H phát hiện chiếc xe ô tô trên bị mất nên đã trình báo cơ quan công an và nội dung sự việc như M đã trình bày là đúng. Chiếc xe ô tô biển kiểm soát 14C-108.61 được Công ty H Ngọc mua

của Công ty Cổ phần Khai thác Vận tải Tiến Xuyên, địa chỉ: Phường Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh vào năm 2020. Công ty H Ngọc đã nhận lại chiếc xe ô tô và không có yêu cầu bồi thường gì khác. Ông H đồng ý với Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố đối với M và xin giảm nhẹ hình phạt cho M.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Hoàng Văn T, chị Nguyễn Thị Thanh khai nội dung như trên, sau khi sự việc xảy ra anh T chị Thanh đã bàn giao chiếc xe ô tô cho cơ quan công an. Anh T chị Thanh đã được Vũ Huân M trả lại số tiền 92.000.000 đồng nên không còn yêu cầu, đề nghị gì khác.

Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, kết luận định giá, vật chứng thu giữ cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Bản Kết luận định giá tài sản số 63/KL-HĐĐGTS ngày 01-11-2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Thủy Nguyên kết luận: Xe ô tô biển kiểm soát 14C-108.61 trị giá 82.100.000 đồng, 01 téc chứa nước dạng tự chế bằng kim loại trị giá 5.500.000 đồng, tổng trị giá là 87.600.000 đồng.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Hải Phòng vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật Hình sự như Bản cáo trạng số 76/CT-VKSTN ngày 19 -3 - 2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủy Nguyên, nay là Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1- Hải Phòng và tại Văn bản số 70/VKSKV1 ngày 08-8-2025 về việc chuyển hồ sơ cho Tòa án xét xử theo quy định của pháp luật sau khi nhận được Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung. Trên cơ sở phân tích đánh giá tính chất vụ án, mức độ, tính nguy hiểm và hậu quả của hành vi phạm tội cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 175, điều 38, điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự tuyên bố bị cáo Vũ Huân M phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” xử phạt bị cáo 30 đến 36 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi chấp hành án. Về bồi thường dân sự đã giải quyết xong nên không xem xét. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Lời nói sau cùng trước khi Hội đồng xét xử nghị án, bị cáo trình bày nhận thức rõ hành vi phạm tội, hậu quả của tội phạm đã thực hiện, tỏ ra ăn năn, hối cải và mong muốn được sự khoan hồng của pháp luật, được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 01-8-2025, Hội đồng xét xử nhận thấy hành vi phạm tội của bị cáo Vũ Huân M có mục đích chiếm đoạt tài sản của Công ty H Ngọc mà bị cáo đang làm việc nên có dấu hiệu của tội phạm khác. Vì vậy, Hội đồng xét xử đã quyết định trả hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1- Hải Phòng để điều tra bổ sung. Sau khi nhận quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung, Viện kiểm sát nhân dân

Khu vực 1- Hải Phòng xác định việc trả hồ sơ vụ án để điều tra bổ sung của Hội đồng xét xử là không có căn cứ nên giữ nguyên Bản cáo trạng số 76/CT-VKSTN ngày 19 - 3 -2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủy Nguyên, nay là Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1- Hải Phòng đồng thời có Văn bản số 70/VKSKV1 ngày 08-8-2025 về việc chuyển trả lại hồ sơ vụ án cho Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[1.2] Căn cứ khoản 3 Điều 298 Bộ luật Tố tụng hình sự về “Giới hạn của việc xét xử” Tòa án xét thấy cần xét xử bị cáo Vũ Huân M về tội danh nặng hơn tội danh Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1- Hải Phòng truy tố nên Tòa án đã có quyết định trả hồ sơ để Viện kiểm sát truy tố lại. Ngày 22-8-2025, Tòa án nhân thành Khu vực 1- Hải Phòng đã ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 22/2025/QĐXXST-HS xét xử bị cáo Vũ Huân M về tội “Tham ô tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 353 Bộ luật Hình sự và quyết định này đã được tổng đạt hợp lệ cho bị cáo. Sau khi nhận quyết định đưa vụ án ra xét xử của Tòa án, bị cáo không có ý kiến khiếu nại gì về việc Tòa án xét xử bị cáo về tội “Tham ô tài sản”.

[1.3] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo và người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1- Hải Phòng vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Vũ Huân M như tại Bản cáo trạng số 76/CT-VKSTN ngày 19- 3 -2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủy Nguyên, nay là Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1- Hải Phòng và Văn bản số 70/VKSKV1 ngày 08-8-2025. Qua xem xét lời khai nhận tội của bị cáo trong quá trình điều tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa; lời khai của người đại diện hợp pháp của bị hại, người làm chứng, kết luận định giá cùng các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án có đủ cơ sở khẳng định: Vũ Huân M làm việc từ và có ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Xây dựng H Ngọc từ năm 2018. M được Công ty giao xe ô tô biển kiểm soát 14C-108.61 cùng giấy tờ xe để chở rác nước rửa đường chống bụi trên tuyến đường vận chuyển xỉ thải từ Nhà máy nhiệt điện Hải Phòng về bãi đổ xỉ thải tại phường Nam Triệu, thành phố Hải Phòng. Đến ngày 01-8-2024 do Công ty ít việc nên đã chấm dứt hợp đồng lao động số 02/2024/HN đối với M. Khoảng đầu tháng 9-2024, ông H là giám đốc Công ty có bảo M tiếp tục đến Công ty làm việc. M được ông H giao cho chiếc xe ô tô biển kiểm soát 14C-108.61 cùng giấy tờ xe để chở rác nước rửa đường như công việc trước đây M vẫn làm ở Công ty. Việc gọi M về Công ty làm việc, giao xe cho M quản lý và giao công việc cho M chỉ thỏa thuận bằng miệng không có văn bản. Ngày 13-9-2024, M lợi dụng quyền hạn được giao quản lý, sử dụng chiếc xe cùng giấy tờ xe đã bán xe ô tô trên cho anh Hoàng Văn T, chị Nguyễn Thị Thanh lấy 92.000.000 đồng để lấy tiền tiêu sài cá nhân, bị cơ quan chức năng phát hiện ngày 16-9-2024. Trị giá tài sản bị M chiếm đoạt theo kết luận của Hội đồng định giá là 87.600.000

đồng. Như vậy, M nhận thức rõ đây là tài sản của Công ty H Ngọc giao cho M để thực hiện công việc NH M đã lợi dụng quyền hạn trong khi được giao quản lý tài sản để chiếm đoạt bán lấy tiền tiêu sài cá nhân. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của doanh nghiệp được pháp luật bảo vệ. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tham ô tài sản” được quy định tại Khoản 1 Điều 353 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1- Hải Phòng truy tố Vũ Huân M về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản là không đúng với hành vi của Vũ Huân M.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo đã lợi dụng chức vụ quyền hạn của mình để chiếm đoạt tài sản của Công ty mà mình có trách nhiệm quản lý. Bị cáo thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công ty được pháp luật bảo vệ. Vì vậy, cần phải được xử lý nghiêm tương xứng với tính chất và mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo để nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả; bị cáo đã ra đầu thú và đã được bị hại xin giảm trách nhiệm hình sự là những tính tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Về hình phạt: Với những phân tích như trên, xét thấy cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn, xử phạt bị cáo ở mức khởi điểm của khung hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 353 Bộ luật Hình sự cũng đủ tác dụng cải tạo bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Đối với anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị Thanh có hành vi mua chiếc xe ô tô biển kiểm soát 14C-108.61 cùng tecz nước trên xe NH anh T, chị Thanh không biết chiếc xe ô tô trên do M phạm tội mà có. Do đó, không có cơ sở để xử lý hình sự đối với anh T và chị Thanh.

[7] Về dân sự: Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu, đề nghị bồi thường gì khác nên không xem xét giải quyết.

[8] Về những vấn đề khác: Vụ án này không có dấu hiệu của việc bỏ lọt tội phạm hoặc hành vi phạm tội mới nên Hội đồng xét xử không phân tích chứng cứ để yêu cầu Viện kiểm sát khởi tố vụ án hình sự.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Khoản 1 Điều 353; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo Vũ Huân M phạm tội “Tham ô tài sản”. Xử phạt bị cáo **Vũ Huân M** 24 tháng tù giam. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi chấp hành án. Cấm bị cáo đi khỏi nơi cư trú, thời hạn cấm đi khỏi nơi cư trú được tính từ ngày tuyên án đến thời điểm bị cáo bị bắt đi chấp hành án phạt tù.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: **Bị cáo, bị hại** có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, **người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được** quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

T hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND TP Hải Phòng;
- VKSND cùng cấp;
- THADS TP Hải Phòng;
- Công an TP Hải Phòng;
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Sở Tư pháp TP Hải Phòng;
- Lưu: VT; HCTP; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mai

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 27-HS:

Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại các điều 254, 260 và 423 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo:

(1) và (4) nếu là Tòa án nhân dân thành phố, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi tên Tòa án nhân dân quận (thành phố, thị xã, thành phố) gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Nam Đàn, tỉnh Nghệ An); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án quân sự khu vực thì ghi tên Tòa án quân sự khu vực gì thuộc quân khu, quân chủng nào; nếu là Tòa án quân sự quân khu, quân chủng thì ghi tên Tòa án quân sự quân khu, quân chủng (ví dụ: Tòa án quân sự Quân khu Thủ đô).

(2) ô thứ nhất ghi số Bản án, ô thứ hai ghi năm ra Bản án (ví dụ: 16/2017/HS-ST).

(3) ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày hoặc nghị án kéo dài.

(5) nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng Thẩm phán..., đối với Hội thẩm nhân dân (quân nhân) chỉ ghi đầy đủ họ tên của hai Hội thẩm nhân dân (quân nhân); nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Cần chú ý không ghi chức vụ của Thẩm phán; đối với vụ án hình sự thông thường thì không ghi chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân); đối với vụ án hình sự có bị cáo là người dưới 18 tuổi thì ghi nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Nếu vụ án do Tòa án quân sự giải quyết thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.

(6) ghi đầy đủ họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(7) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1); ghi họ tên Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

(8) T hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ Trong các (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). T hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi Từ ngày đến ngày (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ:

Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(9) nếu vụ án được xét xử tại trụ sở Tòa án thì ghi như hướng dẫn tại mục (1) (4). Nếu vụ án được xét xử lưu động thì ghi địa điểm nơi diễn ra phiên tòa.

(10) nếu xét xử kín thì thay cụm từ công khai bằng từ kín.

(11) và (12) ghi đầy đủ họ tên bị cáo và các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có); nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8 tháng 15 ngày); nếu bị cáo trên 18 tuổi thì ghi ngày, tháng, năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, nơi sinh sống của bị cáo. Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị xử lý đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội chưa được xoá án. Về nhân thân ghi án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật cụ thể các lần đó và ghi rõ là các án tích, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật đó đã được xoá. T hợp bị cáo là pháp nhân thương mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở, tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân thương mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(13) ghi ngày bị cáo bị bắt, tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt, tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị bắt, tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(14) và (15) nếu bị cáo có người đại diện hợp pháp thì ghi rõ họ tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A). Sau chữ là ghi quan hệ như thế nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(16) nếu có người bào chữa thì ghi đầy đủ họ tên của người bào chữa và họ tên của bị cáo được bào chữa; nếu người bào chữa là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào (ví dụ: Ông Trần B, Luật sư Văn phòng luật sư Vạn Xuân thuộc Đoàn luật sư tỉnh H bào chữa cho Nguyễn Văn C); nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bào chữa (ví dụ: Bà Lê Thị M, bào chữa viên nhân dân công tác tại Hội luật gia tỉnh M bào chữa cho Nguyễn Văn D); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(17), (18), (19), (20), (21), (22), (23) và (24) nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi đầy đủ họ tên, tuổi, nơi cư trú của người đó. T hợp bị hại là người bị xâm phạm về tính mạng, sức khoẻ, nhân phẩm, danh dự và là người dưới 18 tuổi, thì phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(25) nếu bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có người bảo vệ quyền lợi cho họ, thì ghi đầy đủ họ tên của họ theo thứ tự; nếu người bảo vệ quyền lợi của đương sự là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào; nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bảo vệ quyền lợi cho đương sự; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(26) nếu có người tham gia tố tụng là người làm chứng thì ghi đầy đủ họ tên; nếu người tham gia tố tụng là người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật thì ghi đầy đủ họ tên, cơ quan công tác.

(27) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(28) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(29) tùy từng T hợp mà ghi rõ căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(30) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(31) phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi đầy đủ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các bị cáo, các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì ghi như sau:

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS thành phố Thủy Nguyên;
- Cơ quan thi hành án hình sự;
- Trại tạm giam Công an TP Hải Phòng;
- CQCSĐT Công an thành phố Thủy Nguyên;
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng;
- Phòng PV06, PC10;
- Lưu: VT; HCTP; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mai

Nơi nhận:

Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 262 của Bộ luật Tố tụng hình sự và những nơi cần lưu bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)